

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25-7-2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vương Văn Múm.
2. Ông Nguyễn Tấn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Tổng Thị L, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp HB, xã AH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn Kh, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp TL, xã GL, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26-02-2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Tổng Thị L trình bày:

Chị và anh Trần Văn Kh sống với nhau vào 1996 có tình cảm, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Anh chị sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh chị thường xuyên cãi vã nên chị bỏ về bên gia đình cha mẹ ruột tại Ấp HB, xã AH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh sống. Từ khi ly thân chị và anh

Kh có gặp nhau bàn việc đoàn tụ nhưng không thành. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Trần Anh D, sinh ngày 12-6-1996. Hiện đã trưởng thành và sinh sống với anh Kh nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 18-5-2018, bị đơn anh Trần Văn Kh trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Nay chị L yêu cầu ly hôn anh đồng ý. Con chung đã trưởng thành hiện đang sống chung với anh nên không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tống Thị L đối với anh Trần Văn Kh; về con chung cháu Trần Anh D, sinh ngày 12-6-1996 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: anh Trần Văn Kh có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị L và anh Trần Văn Kh tự nguyện chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 1996, có tổ chức lễ cưới, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay chị L yêu cầu ly hôn với anh Kh do bất đồng quan điểm sống, anh Kh đồng ý nhưng Tòa án không thể công nhận sự thuận tình ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Tống Thị L và anh Trần Văn Kh là vợ chồng.

[3] Về con chung: Cháu Trần Anh D, sinh ngày 12-6-1996. Hiện đã trưởng thành và sinh sống với anh Kh nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Tổng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Tổng Thị L và anh Trần Văn Kh là vợ chồng.

2. Về con chung: Cháu Trần Anh D, sinh ngày 12-6-1996. Hiện đã trưởng thành, không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Tổng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009787 ngày 20-3-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKS ND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Mỹ Hiệp

